

# BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI MÔN TIẾNG ANH CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TỈNH BÌNH ĐỊNH

○ PGS. TS. TÔN NỮ MỸ NHẬT\*

1. Theo Quyết định số 50/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/10/2003 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành chương trình môn Tiếng Anh và Tin học ở cấp tiểu học, ở tỉnh Bình Định, từ năm học 2003-2004 môn tiếng Anh (TA) đã được giảng dạy như môn tự chọn ở một số trường tiểu học (TH) có đủ điều kiện. Tính đến năm 2010-2011, số học sinh (HS) TH có học TA chiếm tỉ lệ 43,16%.

Môn TA ở TH có vai trò quan trọng là sự khởi đầu cho các cấp học tiếp theo. Môn học này nhằm trang bị cho HS vốn từ vựng, ngữ pháp tối thiểu cơ bản nhất xoay quanh những chủ điểm gần gũi, quen thuộc vốn được các em rất yêu thích. Chính vì thế, thái độ đối với bộ môn có ảnh hưởng rất lớn đến không chỉ kết quả học tập trước mắt của HS mà còn đến tình cảm, hứng thú và chất lượng học tập bộ môn này trong những cấp học trong tương lai. Để nắm bắt thái độ đối với môn TA của HS TH, nhằm có những phương án cụ thể tiếp sau cho đội ngũ giáo viên (GV) TA TH ở Bình Định nói riêng và những ai quan tâm đến chất lượng giảng dạy TA TH nói chung, chúng tôi đã tiến hành khảo sát HS ở 50 trường TH (1.659 HS) trên địa bàn tỉnh Bình Định trong năm học 2010-2011 (sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu lí luận, điều tra bằng phiếu hỏi, thảo luận và thống kê để xử lí dữ liệu).

2. Để đánh giá thái độ học tập môn TA của HS, chúng tôi khảo sát các vấn đề sau:

## 1) Nhận thức về bộ môn

Ý kiến cho rằng môn TA là cần thiết chiếm tỉ lệ cao nhất (75,64%), cũng có hơn 1/5 HS chọn câu trả lời không cần thiết hay không biết (8,61%; 15,73%). Phần lớn HS không thể đưa ra câu trả lời cụ thể cho câu hỏi mở tìm hiểu nhận thức thật sự của các em về vai trò của TA: «*Theo em, vì sao phải học môn TA?*» vì ở lứa tuổi này, các em nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của bộ môn TA. Từ đó có thể thấy, việc nâng cao nhận thức

của HS TH về vai trò thực tế của bộ môn tự chọn này là rất cần thiết. Hơn là một môn học, TA đang là phương tiện giao tiếp quốc tế quan trọng trong đời sống văn hóa, kinh tế, chính trị. TA còn là chìa khóa giúp HS mở cánh cửa tri thức phong phú trong thời đại Internet hiện nay.

## 2) Hứng thú, tình cảm đối với bộ môn

Trả lời câu hỏi «*Cháu có thích học TA không?*», đa số HS được khảo sát đều cho rằng có thích học TA (81,37%), chỉ một tỉ lệ nhỏ chọn câu trả lời không thích (4,15%) hay không biết (14,46%). Khi được yêu cầu xác định môn học mình yêu thích nhất trong tất cả các môn học ở tiểu học thì môn TA chiếm tỉ lệ cao nhất (đạt 36,46%; xếp thứ 2 là môn toán, đạt 29,05%; các môn khác lần lượt là Tiếng Việt 12,53%, Tin học 9,22%, Tự nhiên - Xã hội 6,75%, Mĩ thuật 2,89%, Âm nhạc 1,80%, Thể dục 1,26%). Trả lời câu hỏi «*Cháu thích học TA từ lớp nào?*», đa số HS đều thích được bắt đầu học từ lớp 3 hoặc sớm hơn (92,76%), chỉ 7,23% thích bắt đầu học TA muộn hơn, trong đó 0,66% cho rằng thích bắt đầu học TA từ lớp 6.

Trong tất cả các nội dung khảo sát trên, HS ở các huyện xã (HX) có thái độ tích cực, hứng thú với bộ môn hơn HS ở thành phố (TP) và không có sự chênh lệch đáng kể giữa các khối lớp 3, 4 và 5, nghĩa là sự yêu thích bộ môn TA của HS được duy trì trong thời gian học ở TH. Tuy nhiên, có sự khác nhau về hứng thú với ngoại ngữ này giữa hai nhóm HS ở TP và HS ở các HX. Tỉ lệ HS chọn thích học TA của nhóm HX lại cao hơn của nhóm TP ở tất cả các khối lớp.

Kết quả khảo sát còn cho thấy thái độ tích cực của HS đối với một số yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hứng thú học tập bộ môn (xem bảng).

Tỉ lệ HS cho rằng thích giáo viên (GV) bộ môn TA, các hoạt động trong lớp và sách giáo khoa

\* Trường Đại học Quy Nhơn

TT	Nội dung	Thích		Không thích		Không biết	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Giáo viên	1474	88,84	65	3,98	120	7,23
2	Các hoạt động	1305	78,66	131	7,89	223	13,44
3	Sách giáo khoa	1384	83,42	127	7,65	148	8,92
4	Sách bài tập	1092	65,82	264	15,91	303	18,26

(SGK) tương đối cao (88,84%; 78,66% và 83,42%). Kết quả thảo luận sâu với HS cho thấy, thái độ tích cực đó có mối quan hệ chặt chẽ với hai yếu tố GV và các hoạt động trong lớp. Bên cạnh một số ít các câu trả lời về tính cách tích cực của GV như vui vẻ, yêu thương HS, lắng nghe HS, phần lớn các câu trả lời của HS đều xoay quanh các hoạt động trong lớp như: GV tổ chức nhiều trò chơi, GV tập cho HS nhiều bài hát, HS được cho phép tương tác nhiều trong lớp (mà HS cho rằng «được cho phép nói chuyện với nhau»). Cũng có một số HS cho rằng không thích GV TA vì: GV kiểm tra từ vựng, bài tập ở nhà thường xuyên, GV yêu cầu làm bài tập khó. Về SGK, các lí do được HS đưa ra là: hình thức của bộ sách (*Let's Go, Let's Learn*) sinh động, nhiều hình ảnh, hình ảnh rõ ràng; có nhiều bài hát; các bài học ngắn; bài học dễ. Tuy nhiên, hình thức cũng lại là lí do làm cho tỉ lệ HS thích sách bài tập thấp hơn tỉ lệ HS thích SGK (thấp hơn 17,6%), nhiều HS cho rằng sách bài tập không có màu, không đẹp. Cũng có HS trả lời không thích sách bài tập vì không thích làm bài tập về nhà. Thêm vào đó, tỉ lệ HS chọn câu trả lời «không biết» cũng cao hơn (18,26%). Nhiều HS cho biết GV không yêu cầu phải trang bị sách bài tập, hay GV không yêu cầu phải làm thêm bài tập trong sách bài tập.

Bên cạnh thái độ tích cực, hứng thú đối với bộ môn, HS còn khá tự tin vào năng lực TA của mình. Khi được yêu cầu tự đánh giá năng lực TA của bản thân, tỉ lệ HS tự xếp loại khá cao nhất (48,82%), tiếp theo là loại giỏi (27,78%), chỉ 18,98% tự xếp loại trung bình và 4,40% tự đánh giá mình là yếu. Cũng như ở các nội dung đã khảo sát khác, kết quả thống kê cũng cho thấy thái độ tích cực ở nhóm HS HX cao hơn HS ở TP: tỉ lệ HS ở các HX chọn tự đánh giá xếp loại mình khá, giỏi cao hơn nhóm HS ở TP là 8,32%.

### 3) Hành vi học tập

Học một ngoại ngữ là quá trình rất phức tạp và lâu dài, đòi hỏi nắm được kiến thức từ vựng, ngữ pháp của ngôn ngữ đó cũng như hình thành được các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và sử dụng được các kiến thức, kĩ năng đó phù hợp với những

ngữ cảnh xã hội và ngữ cảnh văn hóa cụ thể. H. D. Brown, một trong những chuyên gia hàng đầu trong giáo học pháp TA, nhận định rằng, hầu như không có ai có thể đạt được độ lưu loát trong một ngoại ngữ nếu việc học của họ chỉ giới hạn trong phạm vi những gì họ học được ở trường lớp mà thôi (1; tr. 1). Vì thế, để tìm hiểu hành vi học tập môn TA của HS, chúng tôi quan tâm đến các hoạt động đầu tư vào môn TA của HS sau 2 tiết học mỗi tuần ở trường. Có 58,95% số HS được khảo sát cho rằng có học thêm TA ngoài 2 tiết mỗi tuần ở trường, trong đó có 13,86% học ở các trung tâm ngoại ngữ. Chiếm tỉ lệ cao nhất trong các hoạt động bổ trợ phát triển môn TA của HS ở nhà là «làm bài tập thầy/cô giáo cho về nhà» (55,63%), tiếp theo là «học thêm các sách khác» (25,31%), «học TA qua băng đĩa» (13,86%), «học các chương trình dạy TA trên Internet» (8,80%), «đọc truyện TA đơn ngữ/song ngữ» (7,41%) và «học TA trên đài truyền hình» (5,84%). Tuy nhiên, có đến 41,04% HS xác nhận không học thêm ở nhà. Lí do được đưa ra là các em được hướng dẫn hoàn thành bài tập, học thuộc từ vựng ở lớp nên về nhà không còn phải học. Đáng lưu ý là cũng có HS trả lời «Không biết học gì», «Không có phương tiện học ở nhà», «Không thích làm bài tập về nhà».

Kết quả khảo sát đã bước đầu cho thấy một thực tế đáng mừng về thái độ đối với bộ môn tự chọn TA ở bậc TH trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đa số HS có thái độ tích cực đối với bộ môn cũng như với các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hứng thú, chất lượng học tập bộ môn; tự tin vào năng lực TA của bản thân. Tuy nhiên, gần nửa số HS được khảo sát cho biết việc học môn tự chọn này chỉ gói gọn trong 2 tiết học/tuần ở trường. Không có sự khác biệt đáng kể giữa các khối lớp 3, 4, 5, nhưng có sự khác biệt nhỏ giữa hai vùng nội và ngoại thành: nhìn chung HS ở các HX có hứng thú, thái độ tích cực hơn HS ở TP.

3. Từ kết quả phân tích, đánh giá thái độ học tập môn TA của HS bậc TH, chúng tôi có một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn này như sau:

HS cần được nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa thực tiễn của bộ môn TA; được hướng dẫn tự học TA ở nhà, tự khai thác các phương tiện tự học TA rất phong phú từ các nguồn đáng tin cậy.

GV bộ môn TA đóng vai trò then chốt trong việc phát triển thái độ tích cực, hứng thú của

HS. Vì đặc điểm lứa tuổi, HS TH chưa có nhận thức đúng đắn về vai trò của bộ môn, học theo cảm xúc nên một không khí học tập thoải mái, sôi nổi, ở đó HS được học mà chơi, chơi mà học là vô cùng cần thiết. Để có những tiết dạy học như thế, GV cần năng động, tìm tòi, rút kinh nghiệm. Trong dạy học, GV không chỉ cung cấp cho HS những kiến thức ngôn ngữ thuần túy mà còn cần tạo điều kiện cho các em củng cố và sử dụng vốn kiến thức đó. Bên cạnh đó, lựa chọn PPDH thích hợp, dựa trên cơ sở hiểu biết về tâm sinh lí lứa tuổi HS TH nói chung, từng loại đối tượng HS nói riêng.

**Các cấp quản lí** cần tạo điều kiện để GV thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò, nhiệm vụ của mình bằng cách: + Tiến hành khảo sát chất lượng và thái độ của HS vào đầu mỗi năm học để phân loại HS, nhằm có những kế hoạch phụ đạo, bồi dưỡng và nâng cao nhận thức của các em; + Hỗ trợ phát triển các hoạt động chuyên môn định kì để GV nâng cao năng lực TA, năng lực sư phạm và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy; + Tăng cường phát triển cơ sở vật chất phục vụ dạy học TA như xây dựng phòng tư liệu, phòng đa năng cấp thành phố/HX/trường, trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học TA như tranh ảnh, phương tiện nghe nhìn. □

(1) Brown, H. D. "Principles of language learning and teaching". New Jersey: Prentice-Hall, Inc., 1987.

#### Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. Quyết định về việc phê duyệt đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020" H, 2008.
2. Đặng Vũ Hoạt. **Giáo dục tiểu học**, tập 1, 2. NXB Giáo dục, H. 2007.
3. Quyết định số 50/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/10/2003 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành chương trình môn Tiếng Anh và Tin học ở bậc tiểu học.

#### SUMMARY

*This article reports the findings of an investigation into the attitude of the primary children towards English as an optional subject. The three components looked at are perception, emotion, and behavior. Data were collected by means of questionnaires and discussions. From the findings, some suggestions concerning learners, teachers, and managers are put forwards to enhance the effectiveness of the learning and teaching of this subject in Binh Dinh in particular and in the whole country in general.*

## Tổ chức hoạt động...

(Tiếp theo trang 47)

Sau khi nghe các nhóm báo cáo kết quả, GV kết luận, chính xác hoá kiến thức, nhận xét kiến thức các nhóm đã trình bày, khích lệ, động viên những kết quả HS thực hiện được, chốt lại những điểm kết luận chung nhất: sinh vật sống ở môi trường nào cũng chịu sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của các nhóm NTST; các nhóm NTST có mối quan hệ biện chứng với nhau; các môi trường có quan hệ với nhau chúng không tách rời: trong môi trường nước có không khí, thực vật động vật, VSV,...; trong môi trường đất có nước, không khí, động thực vật,....

Vận dụng: khi HS đã có những kiến thức về NTST, môi trường GV nêu vấn đề cho HS xử lí: *Nguyên nhân của các hiện tượng lũ lụt, xói mòn, hạn hán,.... Tại sao chúng ta phải trồng cây gây rừng?*

\*\*\*

Quá trình DH là những quá trình hết sức phức tạp không thể sử dụng một PPDH nào đó để giải quyết trọn vẹn các nhiệm vụ học tập. Việc nắm vững điểm mạnh, điểm yếu của từng phương pháp khác nhau trong quá trình DH và lựa chọn được một hệ thống tối ưu các phương pháp thích hợp về mặt tâm lí lứa tuổi, hợp lí về mặt logic là một yêu cầu khách quan, là tiêu chí đánh giá kĩ năng sư phạm của GV. Sự tương tác này diễn ra giữa GV với HS hoặc giữa HS với HS giúp các em tìm tòi, phát hiện và giải quyết được mục tiêu của bài học. Vì vậy, DHTN là môi trường tốt tạo điều kiện cho HS phát triển kĩ năng giao tiếp, cách làm việc hợp tác; đây là những kĩ năng rất cần thiết trước yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của việc đổi mới PPDH, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sinh học ở phổ thông. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Đinh Quang Báo - Nguyễn Đức Thành. **Lí luận dạy học sinh học - Phần đại cương**. NXB Giáo dục, H.1996.
2. Nguyễn Quang Vinh (tổng chủ biên) - Vũ Đức Lưu (chủ biên) - Nguyễn Minh Công - Mai Sỹ Tuấn. **Sinh học 9**. NXB Giáo dục, H. 2007.
3. Lê Thanh Oai. "Nguyên tắc xây dựng câu hỏi bài tập trong dạy học sinh thái học ở trường phổ thông". *Tạp chí Giáo dục*, số 211/2009.

#### SUMMARY

*The article mentions the issue of organizing group teaching and illustrating example of teaching the concept of environment and ecological elements (9<sup>th</sup> grade Biology).*